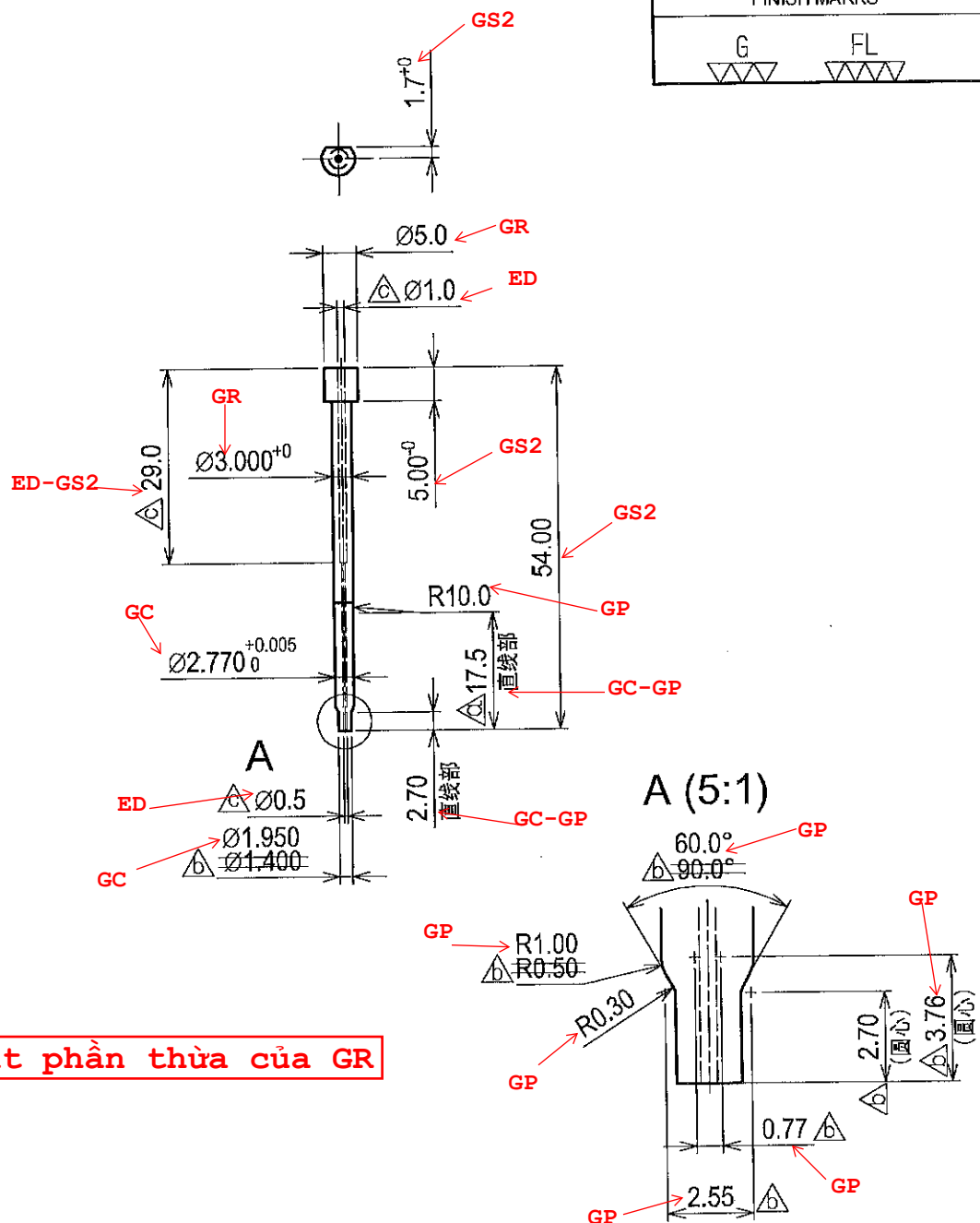


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2009/07/31	新規設計		Ye_Jian_Qing	K.Hiromasa	0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
a	2009/11/05	寸法変更		Ye_Jian_Qing	K.Hiromasa	0.000	±0.005	0.000 ₋₀	^{+0.005} -0
b	2010/04/20	翻边部分角过大、丝状废料对策		Ye_Jian_Qing	K.Hiromasa	0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
c	2010/08/31	粕上がり対策としてAIR穴追加	DLM-10-08-010	Peng_Wei_Chun	Teang_Chung_Hai	0.	±0.1	0.00 ₋₀	^{+0.01} -0
						0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
								0.0 ₋₀	^{+0.1} -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> G FL </div>			



GS1 cắt phần thừa của GR

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Ye_Jian_Qing	K.Hiromasa	部品図		バーリングパンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BURRING PUNCH	
HRC		部品図		孔突縁沖頭	
		部品図		孔突縁沖頭	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2010/04/20	1:1		S824991	

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 203 0233

ø64 70

SNO: **S824991**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø6*70	GR:90 GS1:20 ED:60 GS2:30 GC:30 GP:60 AF:20 KT